

Số: 74/2020/HS-PT
Ngày: 28/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước T hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Lê Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo: **Lê Hữu T**, tên gọi khác: T B; sinh năm 1957 tại Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu K (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); có vợ Trần Thị Đức, sinh năm 1959, đã ly hôn và 04 con ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1994.

- Về nhân thân:

+ Ngày 16/11/1999, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy”, hình phạt bổ sung 3.000.000 đồng. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 10/5/2003, đã được xóa án tích.

+ Ngày 25/02/2005, bị Ủy ban nhân dân huyện Đồng P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh do “*Sử dụng ma túy trái phép*” trong

thời gian 24 tháng, ngày 26/7/2007 chấp hành xong.

+ Ngày 23/3/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là TP Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 28/6/2010, đã được xóa án tích.

+ Ngày 22/5/2017, bị Công an huyện Đồng P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, bị cáo đã đóng phạt cùng ngày 22/5/2017.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 09 giờ ngày 23/11/2019, Lê Bá S một mình điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến nhà Lê Hữu T tại ấp Cầu Hai, xã Đồng T, huyện Đồng P hỏi mua ma túy nhưng T không có. S nhờ T dẫn đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng thì T đồng ý. S góp 500.000 đồng, T góp 200.000 đồng được tổng cộng 700.000 đồng rồi S điều khiển xe mô tô chở T đi theo sự hướng dẫn của T đến nhà một người đàn ông tên Hùng (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực nghĩa trang Thành phố Đ thuộc xã T, Thành phố Đ. S đứng ngoài đường đợi, T cầm 700.000 đồng vào gặp Hùng để mua ma túy. Khoảng 10 phút sau, T đi ra nói với S “*Lấy được đồ rồi, về*”, T giữ gói ma túy còn S điều khiển xe quay lại nhà T. S và T chia gói ma túy làm hai phần, một phần pha vào nước cất cùng nhau sử dụng, phần còn lại S chia nhỏ cho vào 07 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu rồi bỏ vào túi nylon dạng miệng kéo miết cất giấu trong túi quần bên trái để sử dụng dần. Sau đó T vào phòng nghỉ còn S tiếp tục ngồi chơi ở nhà T.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Hữu Tàn là con Lê Hữu Trủ S sử dụng ma túy đá thì S đồng ý và đưa 150.000 đồng cho Tàn. Tàn đi ra ngoài khoảng 30 phút sau quay lại và lấy 01 túi nylon dạng miệng kéo miết chứa ma túy đá cất ra bỏ vào bộ dụng cụ tự chế rồi rút túi nylon trên nền nhà. S nhìn thấy bên trong túi vẫn còn một ít ma túy đá nên nhặt lên, bỏ vào ví da cất trong túi quần bên phải để lần sau sử dụng. Lúc này, Triệu Văn M một mình điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 93 P2 – 017.37 đến và cùng tham gia sử dụng ma túy. Khi cả nhóm S, T, Nông Văn H, Triệu Văn M đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, khám xét khẩn cấp thu giữ, niêm phong toàn bộ số ma túy trên người S. Quá trình điều tra, S, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nylon dạng miệng miết kích thước (9,5 x 7)cm bên trong có 07 đoạn ống hút nhựa được hàn kín hai đầu chứa chất bột màu trắng.

- 01 túi nylon dạng miệng miết kích thước (4 x 3,8)cm bên trong chứa chất bột màu trắng.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế từ vỏ chai nước ngọt, bên trên có gắn 01 ống thủy tinh và 01 ống hút bằng nhựa.

- 01 (một) ví da màu nâu đen.

- 01 giấy CMND số 285770446 mang tên Triệu Văn M.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius số khung RLCS5C6JO – GY215704, số máy 5C6J – 215719, biển số 93P2 – 01737.

Theo bản Kết luận giám định số 245/2019/GĐ-MT ngày 29/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận:

Chất màu trắng có trong 07 đoạn ống hút (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại heroine, có khối lượng là 0.2353 gam (không phải hai ba năm ba gam).

Tinh thể màu trắng có trong gói nylon (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, có khối lượng là 0.0172 gam (không phải không một bảy hai gam).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Bá S và Lê Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Bá S 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 ; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2020 bị cáo Lê Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Hữu Tvắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo của bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần ba theo quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vắng mặt bị cáo T.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo của bị cáo thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình cụ thể, khoảng 09 giờ ngày 23/11/2019 bị cáo S rủ bị cáo T mua ma túy về cùng nhau sử dụng, trong đó T góp 200.000 đồng, S góp 500.000 đồng. Sau khi mua ma túy về, S và T cùng nhau chia gói ma túy làm hai phần, một phần pha vào nước cất cùng nhau sử dụng, phần còn lại S chia nhỏ cho vào 07 đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu rồi bỏ vào túi nylon dạng miệng kéo miết cất giấu trong túi quần bên trái để sử dụng dần. Tại bản kết luận số 245/2019/GĐ-MT ngày 29/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Chất màu trắng có trong 07 đoạn ống hút là ma túy, loại heroine, có khối lượng 0,2353 gam. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, sau khi xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với mức án 18 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đơn kháng cáo, bị cáo T cho rằng hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hai con là Lê Hữu T, Lê Hữu T đang bị tạm giam, cháu nội đang ốm tim không ai chăm sóc, tuy nhiên bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đối với tình tiết bị cáo là thương binh hạng

4/4, bị vết thương đau tái phát, cha ruột ông Lê Hữu K là người có công với cách mạng đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Hơn nữa, như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo T có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 07 năm tù về “tội mua bán trái phép chất ma túy” và “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị UBND huyện Đồng P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh do “Sử dụng trái phép ma túy”; bị TAND thị xã Đ xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị Công an huyện Đồng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 18 tháng tù là không nặng. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hiệu lực kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo của bị cáo Lê Hữu T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 ; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T **18 (Mười tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA huyện Đồng P;
- Chi cục THADS huyện Đồng P;
- Bị cáo; Trại giam;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Viết Phong